

Số: ~~2447~~/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm dừng cung cấp 10 dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực Chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tỉnh Yên Bái được phê duyệt tại Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 2274/TTr-STTTT ngày 06/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng cung cấp 10 dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực Chứng thực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tỉnh Yên Bái tại Quyết định

số 1353/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh Yên Bái, đăng ký tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2023.

(Có Danh mục chi tiết các dịch vụ công kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Cục Chuyển đổi số QG (Bộ TT&TT);
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Phó Chánh VP UBND tỉnh (NC);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Yên Bái;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Hạnh Phúc

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC TẠM DỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TỈNH YÊN BÁI
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2447~~ **2447**/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Nhóm thủ tục/ Dịch vụ công trực tuyến	Hiện trạng theo Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 28/7/2023			Cách thức thực hiện sau tạm dừng			Lý do tạm dừng cung cấp
		DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	DVC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	DVC	
I	THỦ TỤC ÁP DỤNG CHUNG CHO CẢ CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ							
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp và chứng nhận		x				x	Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP (vì phải mang bản chính đến Bộ phận Một cửa để đối chiếu)....
2	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu không thể ký, không thể điểm chỉ được)		x				x	<ul style="list-style-type: none"> - Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. - Khoản 2, 3 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng

								<p>thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng giao dịch (tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và việc chứng thực không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 25 của Nghị định này thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực ký trước mặt)</p>
II CHỨNG THỰC TẠI UBND CẤP HUYỆN								
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		x				x	<p>Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP (phải mang bản chính đến Bộ phận Một cửa để đối chiếu)....</p>
2	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng tư pháp		x				x	<p>- Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. - Điều 31 Nghị định số</p>

							<p>23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng giao dịch (Khi thực hiện chứng thực, người thực hiện chứng thực phải đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực; trường hợp nghi ngờ chữ ký trên bản dịch so với chữ ký mẫu thì yêu cầu người dịch ký trước mặt. + Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với bản dịch giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai).</p>
3	Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản		x				<p>x</p> <p>- Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP.</p>

								<p>- Khoản 3, 4 Điều 36, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng giao dịch (Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực, nếu hợp đồng có từ hai trang trở lên thì phải ký vào từng trang. Trường hợp người yêu cầu chứng thực nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông thì các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người tiếp nhận hồ sơ...).</p>
III THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ								
1	Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở		x				x	<p>- Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP .</p> <p>- Khoản 3, 4 Điều 36, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng</p>

								<p>thực hợp đồng giao dịch (các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực, nếu hợp đồng, giao dịch có từ hai trang trở lên thì phải ký vào từng trang. Trường hợp người yêu cầu chứng thực nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông thì các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người tiếp nhận hồ sơ...)</p>
2	Chứng thực di chúc		x				x	<p>- Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP. (Người lập di chúc phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực, nếu di chúc có từ hai trang trở lên thì phải ký vào từng trang. Trường hợp người yêu cầu chứng thực nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông thì phải ký trước mặt người tiếp nhận hồ sơ.....)</p>

3	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		x				<p>Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP.</p> <p><i>(Người từ chối nhận di sản ký trước mặt người thực hiện chứng thực, nếu văn bản từ chối có từ hai trang trở lên thì phải ký vào từng trang. Trường hợp người yêu cầu chứng thực nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông thì phải ký trước mặt người tiếp nhận hồ sơ...)</i></p>
4	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, Quyền sử dụng đất, nhà ở		x				<p>- Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP.</p> <p><i>(Các bên tham gia thỏa thuận phân chia di sản phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực, nếu văn bản thỏa thuận phân chia di sản có từ hai trang trở lên thì phải ký vào từng trang. Trường hợp người yêu cầu chứng thực nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa,</i></p>

								<i>một cửa liên thông thì các bên thỏa thuận phân chia di sản phải ký trước mặt người tiếp nhận hồ sơ....)</i>
5	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản quyền sử dụng đất nhà ở		x				x	<p>- Không đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 13 (cụ thể điểm c, d, g khoản 1 Điều 13) của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP.</p> <p>(- Người khai nhận di sản phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực, nếu văn bản khai nhận di sản có từ hai trang trở lên thì phải ký vào từng trang. Trường hợp người yêu cầu chứng thực nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông thì người khai nhận di sản phải ký trước mặt người tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có</p>

								<p><i>quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến giao dịch. Người làm chứng do người yêu cầu chứng thực bố trí. Trường hợp người yêu cầu chứng thực không bố trí được thì đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định người làm chứng....)</i></p>
--	--	--	--	--	--	--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------